

VÀI NÉT VỀ TẬP QUÁN TRUYỀN THỐNG TRONG CỜ XIN CỦA NGƯỜI TÀY MƯỜNG Ở HUYỆN CON CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN

(Qua tư liệu điền dã tại bản Yên Thành, xã Lục Dạ)

LÊ HẢI ĐĂNG

Đầu

Đến nay người Thái ở Nghệ An còn ít được nghiên cứu. Riêng về lĩnh vực hôn nhân và gia đình của họ, số nghiên cứu đã được thực hiện cũng không nhiều. Có thể kể một số công trình như: *Hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Thái ở miền núi Nghệ An* của Vi Văn An (1996), *Hôn nhân của người Thái huyện Con Cuông, Nghệ An* của Lương Quốc Phòng (2001), *Nét đẹp trong đám cưới của người Thái huyện Con Cuông, Nghệ An* của Lương Thị Giang (1999). Các công trình nêu trên phần nào đề cập đến quan hệ hôn nhân và vai trò của luật tục trong đời sống hôn nhân của người Thái ở Nghệ An nói chung, nhưng không đi sâu vào một nhóm Thái cụ thể nào. Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu về tập quán pháp trong cưới xin của người Tày Mường - một trong ba nhóm địa phương của người Thái Nghệ An ở xã Lục Dạ, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An để phân tích và chỉ ra sự khác biệt trong cưới xin của người Tày Mường so với các nhóm Thái khác cư trú trong vùng cũng như với người Thái ở Tây Bắc nước ta.

1. Tục lệ cưới xin (*hịt khoong ết kéo đơng*)

1.1. Chọn người làm mối (*xoọc lạn*)

Lấy vợ gả chồng là việc đại sự của một đời người, bởi vậy người ta thường mời một người trong họ làm mối xe duyên cho

đôi trẻ. Theo tập quán, người làm mối bắt buộc phải là đàn ông và cần có những phẩm chất nhất định: phải là người hiểu biết phong tục tập quán, ăn nói lưu loát để có thể thưa gửi, thuyết phục nhà gái thuận tình cho con gái họ về làm dâu, có khả năng đối đáp, có hiểu biết sâu về các lễ thức, vợ chồng song toàn, hạnh phúc. Theo tục lệ, ở người Tày Mường, thời gian thử thách chàng rể thường vài ba năm. Trong khoảng thời gian đó, hàng tháng nhà trai phải mang lễ sang thăm gia đình nhà gái. Mỗi lần đi như vậy đều có sự hiện diện của ông bà mối. Những lần viếng thăm đó hàm ý biết ơn bố mẹ cô gái, người đã sinh thành và nuôi dưỡng cô dâu tương lai ngoan hiền, đồng thời khẳng định với gia đình nhà gái sự chung thủy của nhà trai, ngầm báo với làng xóm rằng cô gái đã có nơi có chốn.

Trong hôn nhân của người Tày Mường, ngoài nhiệm vụ chủ hôn và điều hành tất cả các lễ nghi, ông mối còn có sứ mệnh khác cao cả hơn, ý nghĩa hơn nhiều. Đó là trở thành bố mẹ thứ hai của đôi trẻ. Bởi vậy, trách nhiệm của bố mẹ mối sẽ theo suốt cuộc đời của họ; khi cuộc sống gia đình của đôi vợ chồng có việc gì ông bà mối sẽ là người đứng ra dàn xếp, giúp đỡ và giải quyết.

1.2. Lễ ăn hỏi (*pay tham xao*)

Theo tập quán của người Tày Mường, lễ ăn hỏi diễn ra nhiều lần, được gọi là *đi thăm tháng*. Nếu nhà gái ra thời hạn sau hai

năm nữa mới được tổ chức lễ cưới thì cứ mỗi tháng một lần nhà trai phải mang lễ ăn hỏi đến nhà gái. Giá trị lễ vật đi ăn hỏi (*thăm tháng*) sẽ tăng dần theo từng tháng. Trường hợp ăn hỏi chỉ gói gọn trong một lần duy nhất và sau đó tiến hành lễ cưới thì trị giá lễ vật sẽ được tính gộp lại.

1.2.1. Lễ ăn hỏi lần thứ nhất (*pay lôm quam*)

Người Tày Mường gọi lễ ăn hỏi lần thứ nhất là *pay lôm quam*, có nghĩa là *đi thưa chuyện*. Sau lời hẹn ước, đôi trẻ sẽ thông báo cho gia đình mình chuyện tình cảm lứa đôi. Lúc này nhà trai sẽ tập hợp anh em họ hàng để bàn chuyện tìm ông mối và thực hiện lễ ăn hỏi thứ nhất.

Khi đã thống nhất được ngày tổ chức lễ ăn hỏi lần thứ nhất, nhà trai sẽ thông báo cho nhà gái thời gian cụ thể để nhà gái chuẩn bị đón tiếp. Lễ vật gồm hai bánh chưng, hai chai rượu, một đĩa trầu; nếu gia đình có điều kiện thì kèm theo một chỉ vàng, nếu không thì năm đồng bạc. Mẹ chàng trai cùng một người phụ nữ trong họ mang lễ này sang nhà gái thưa chuyện và báo cáo kết quả tìm hiểu của đôi trẻ, chính thức đặt vấn đề chuyện hôn nhân. Về phía nhà gái, trong cuộc gặp mặt này, ngoài bố mẹ đẻ của cô gái không thể thiếu ông cậu, người hết sức quan trọng và hầu như thay mặt họ nhà gái đưa ra các quyết định trong suốt quá trình nghi lễ cưới xin sau này. Ở lần thưa chuyện này, nhà gái thể hiện rõ quan điểm có đồng thuận chuyện hôn nhân này hay không để nhà trai định liệu các thủ tục tiếp theo mà gần nhất là lễ ăn hỏi thứ hai.

1.2.2. Lễ ăn hỏi lần thứ hai (*pay xo quam*)

Lễ ăn hỏi thứ hai được gọi theo tiếng Thái là *pay xo quam*. Mục đích của lần ăn

hỏi này là bàn bạc về các khoản lễ vật mà nhà trai phải nộp cho bên gái trong đó có tiền thách cưới (*cá hua*). Trước đây tiền *cá hua* thường được trả bằng bạc nén, nay thường là tiền mặt. Số lượng tiền *cá hua* có thể giảm đáng kể nhờ tài ăn nói, thuyết phục của ông mối bên phía nhà trai. Theo ông Lương Văn Kiều (bản Đình, xã Chi Khê, huyện Con Cuông), số tiền này không được phép cao hơn với số tiền thách cưới mà ông ngoại của chú rể đã yêu cầu khi bố mẹ chú rể cưới nhau. Người Tày Mường cho rằng, con cái là phải thấp hơn bố mẹ một bậc chứ không thể ngang bằng. Bởi vậy, trong khi thương lượng tiền thách cưới, ông mối sẽ nói rõ số tiền thách cưới của gia đình bà mẹ chú rể khi bà về nhà chồng để làm cơ sở thuyết phục nhà gái.

Thành phần đoàn nhà trai sang nhà gái trong dịp lễ ăn hỏi gồm: dẫn đầu là ông mối, sau đó là chú rể, hai người cao tuổi và hai thanh niên nam nữ còn son. Lễ vật cho ăn hỏi lần thứ hai tăng gấp đôi so với lễ ăn hỏi thứ nhất, gồm 20 bánh chưng, 10 bánh sừng bò, 4 chai rượu, 2 gói trầu cau, 2 con gà, 1 bó chè xanh. Khi đến nhà gái, toàn bộ lễ vật được bày ra ở gian thờ ma nhà. Ông mối thay mặt nhà trai báo cáo với bên gái số lượng các loại lễ vật như đã thỏa thuận dưới sự chứng kiến của họ hàng hai bên.

Về phía nhà gái, ông cậu có trách nhiệm đón tiếp và nhận lễ vật nhà trai mang đến rồi cúng báo với tổ tiên, cầu mong cho đôi trẻ gặp nhiều may mắn và hạnh phúc. Sau đó, nhà gái mời nhà trai ở lại ăn cơm, uống rượu và tiếp tục thảo luận về thời gian và các thủ tục của lễ ăn hỏi lần thứ ba.

1.2.3. Lễ ăn hỏi lần thứ ba (*pay hắt hom*)

Người Tày Mường gọi lễ ăn hỏi lần thứ ba là *pay hắt hom*. Mục đích của lễ này là tái khẳng định sự mong muốn của nhà trai được kết thông gia với bên nhà gái. Cũng ở lần ăn hỏi này, gia đình hai bên sẽ bàn bạc và đi đến thống nhất các lễ vật, thời gian tổ chức lễ cưới lần một và tiền *cá hua*.

Lễ vật ăn hỏi lần thứ ba nhiều hơn lần trước, gồm 40 bánh chưng, 20 bánh sừng bò, 10 kẹp cá nướng, 4 chai rượu, ngoài ra còn có trầu cau và 2 con gà. Số lượng người trong đoàn nhà trai cử đi đông hơn lần trước, trong đó thành phần chính vẫn là ông mối, chú rể, 2 thanh niên nam nữ chưa có gia đình để mang đồ lễ...

Sau lễ ăn hỏi lần thứ ba, nhà trai xin làm lễ ra mắt, khi đi mang theo 2 chai rượu, 2 con gà trống để làm lễ. Lúc này chàng trai, ông ngoại, bố mẹ cùng ông tộc trưởng và ông bà mối phải có mặt. Lễ ra mắt của người Tày Mường được tổ chức đơn giản hơn người Man Thanh. Trong lễ ra mắt này sự hiện diện của ông ngoại chú rể là đặc biệt quan trọng; nếu ông ngoại không còn thì anh trai hoặc em trai của mẹ chàng trai sẽ thế vào vị trí đó, bởi vì người ta cần sự hiện diện của cả nội và ngoại của chàng trai. Phía bên nhà gái cũng phải có đầy đủ họ hàng nội ngoại và trong dịp này cả bốn bên sẽ giao ước với nhau về mối quan hệ thông gia.

Sau lễ này, nhà trai không phải đi thăm gia đình nhà gái theo tháng nữa mà chỉ đến thăm hỏi gia đình cô gái vào dịp Tết Đoan Ngọ và Tết Nguyên Đán. Tết Đoan Ngọ, đồ lễ gồm hai kẹp cá, hai con gà, hai chai rượu và hai chai mật. Tết Nguyên Đán, đồ lễ nhà trai chuẩn bị khá cầu kỳ, gồm một con lợn,

một chục cặp bánh chưng, hai cặp rượu, một đĩa trầu 10 miếng. Ngày mừng một Tết nhà trai đưa đồ lễ đến biếu nhà gái và chúc cho toàn gia bình an, mạnh khỏe.

Theo tập quán, vào dịp Tết Nguyên Đán nhà trai mừng tuổi cho ông bà, bố mẹ cô gái bằng tiền. Số tiền mừng tuổi và những đồ lễ mà nhà trai mang sang đều được nhà gái ghi nhớ và sẽ được trừ vào khoản tiền thách cưới do nhà gái đưa ra sau này.

Sau lễ ra mắt này đôi trẻ đã là dâu rể của hai gia đình. Kể từ đây, đôi trẻ có nghĩa vụ đối với hai gia đình. Trong ngày mùa bận rộn, chàng trai hay cô gái đến giúp việc nếu không về nhà được, có thể ở lại ngủ với nhau như vợ chồng.

Sau lễ ra mắt, cả hai gia đình sẽ chuẩn bị để tiến hành lễ cưới lần thứ nhất, hay còn gọi là *lễ cưới nhỏ*.

1.3. Lễ cưới nhỏ (*đoong lay*)

Cũng như ở các nhóm Thái khác trong vùng, lễ *đoong lay* được tổ chức ở nhà gái. Theo tập quán, trong lễ cưới thứ nhất chú rể phải thực hiện nghi thức nộp áo. Áo của chú rể sẽ được đặt lên bàn thờ ma nhà vợ để cúng báo cho tổ tiên nhận biết, cầu mong ông bà tổ tiên phù hộ cho đôi trẻ có cuộc sống êm ấm hạnh phúc. Đây là nghi thức để cô dâu và chú rể chính thức ra mắt họ hàng hai bên và bà con trong bản. Kể từ đây chú rể phải thực hiện nghĩa vụ ở rể của mình trong khoảng thời gian hai đến ba năm theo tập quán quy định.

Ông Lô Văn Hòa ở bản Chai, xã Chi Khê, huyện Con Cuông cho biết: “Đối với người Tày Mường trước đây, khi gia đình nhà gái neo người, họ thường cho người con

traí đến ở rể sau khi đã qua các lễ hỏi theo phong tục. Nếu đến ở rể thì chàng trai không phải nộp các lễ vật thách cưới do nhà gái đưa ra. Sau một thời gian ở rể, thông thường khoảng 3 năm, lúc này họ đã có vài mặt con, có thể tách riêng thành hộ độc lập để về bên chồng, hoặc cư trú ngay trong phần đất gia đình vợ, nhưng làm nhà riêng. Khi ra ở riêng, gia đình bên vợ phải có trách nhiệm làm nhà, chia ruộng, trâu bò... cho tiểu gia đình mới. Kể từ lúc này họ tự làm ăn nuôi sống gia đình và con cái”.

Theo Lương Quốc Phòng, tục ở rể của người Thái huyện Con Cuông có hai dạng: ở rể kỳ hạn (*dú khươi mi hạn*) và ở rể đời (*cuóm hươn*). Hình thức ở rể có kỳ hạn yêu cầu chú rể sống và lao động bên nhà vợ trong một thời gian nhất định. Trong thời gian ở rể, anh ta được coi là thành viên của gia đình vợ, cùng ăn, cùng ở và được phép chung chăn gối với người vợ của mình; đôi vợ chồng có quyền gây một phần vốn riêng. Còn ở rể đời (*cuóm hươn*) có nghĩa là chú rể “ăn” ngôi nhà bên vợ. *Cuóm hươn* thường do nhà gái đề xuất nên nhà gái không đòi hỏi tiền *cá hua*. Đôi vợ chồng sẽ sống ở nhà bố mẹ vợ suốt đời và chú rể phải đổi họ mình sang họ nhà vợ (Lương Quốc Phòng, 2002, tr. 30-31).

Lễ cưới lần thứ nhất chưa phải là lễ cưới chính thức. Theo giải thích của người Tày Mường, đây là khoảng thời gian bước đầu nhằm thử thách đôi bạn trẻ, đặc biệt là đối với chú rể; cho nên, người Tày Mường gọi cô dâu và chú rể bằng thuật ngữ *pợ hào*, *khươi hào*. Trong đời sống hôn nhân, gia đình của người Việt không có nghi thức đó; bởi vậy, trong tiếng Việt không có từ tương đương để chuyển nghĩa.

Ở người Tày Mường, trong quá trình tiến tới hôn nhân, mỗi nghi lễ lần sau không chỉ tăng thêm số lễ vật mang sang nhà gái, mà số người trong đoàn nhà trai đi sang nhà gái cũng tăng lên. Số lượng người đi dù ít hay nhiều đều phải là số chẵn. Ở lễ cưới nhỏ, nhà trai sẽ cử khoảng 14 người đủ các lứa tuổi như già, trung niên, thanh niên, trẻ con... trong đó, có 1 phù dâu và 1 phù rể. Thanh niên trong đoàn có nhiệm vụ mang vác các lễ vật như bánh chưng, bánh sừng bò, gà, lợn, rượu, trâu cau... Các lễ vật đó sẽ được bày ra trước bàn thờ ma nhà của nhà gái để làm lễ cúng. Sau đó, gia đình họ hàng hai bên sẽ ăn uống và múa hát.

Người Tày Mường cũng như người Thái nói chung rất yêu ca hát; bởi vậy, đám cưới là dịp tốt để họ thể hiện sự đam mê đó. Họ vừa uống rượu chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc, vừa múa các vũ điệu truyền thống trong tiếng chiêng, tiếng *pí* và tiếng hát từ các làn điệu dân ca Thái. Cuộc vui cứ thế diễn ra đến khuya, có khi còn đến sáng hôm sau; ra về ai cũng có cảm giác vui vẻ và không quên chúc phúc cho đôi trẻ.

Đối với người Thái ở Tây Bắc, tục ở rể rất phổ biến, được quy định trong luật tục. Lễ cưới nhỏ của người Tày Mường ở Con Cuông, Nghệ An tương ứng với bước thứ ba trong sáu bước tổ chức một lễ cưới của Thái ở Tây Bắc, đó là *Bước dẫn rể ở quán*.

...Tìm được ngày lành tháng tốt

Phía thân mẫu và thân phụ lo liệu đã xong.

Bèn cho ông mối dẫn con trai đến với nhạc phụ, nhạc mẫu.

Xin để con trai lên nhà làm rể ngủ *quán*...

(Ngô Đức Thịnh-Cầm Trọng, 2003, tr. 834-839).

Tục ở rể cũng phổ biến ở người Thái Đen. “Sau lễ *ôm* (đính hôn) phải dứt lời, mới dứt giá sẽ là giai đoạn ông mới dẫn rể lên ở quán bên nhà gái. Trong giai đoạn này, người con trai được đưa sang nhà vợ nhưng phải nằm một mình trong gian hồi nhà bên *quán* gọi là *han khroi*: rể dự bị, chưa thành hôn, chưa được chung chăn gối với vợ; còn người con gái vẫn phải nằm ở một góc nhà gọi là *táng chán*. Trong giai đoạn này hai người vẫn được tự do nên đôi bên vẫn có thể lén lút đi với người tình (người mình yêu mến nhất). Nếu *lung ta* không ưng, chàng rể có thể bị đuổi ngay về, nếu người anh không thành người em có thể đến ở rể thay...” (Đào Tố Uyên, Lương Hoài Thanh, 2007, tr. 773)

Như vậy, tục ở rể trong hôn nhân là phổ biến ở tất cả các nhóm Thái ở Nghệ An cũng như ở người Thái Đen và Thái Trắng ở Tây Bắc. Tuy nhiên, tùy từng trường hợp cụ thể mà tính chất ở rể hay thời gian ở rể dài ngắn của các nhóm là khác nhau.

1.4. Lễ cưới lớn (*kin doong*)

Lễ cưới lớn, hay lễ cưới chính thức gọi là *kin doong* được tổ chức sau khi chàng rể đã thực hiện xong thời gian ở rể của mình, tức là đã vượt qua thử thách do nhà gái đặt ra. Thông thường, lễ cưới lớn được tổ chức sau lễ cưới nhỏ khoảng một đến hai năm. Trong thời gian đó, vào các dịp lễ tết hay khi gia đình có sự kiện quan trọng hai bên gia đình thường qua lại thăm hỏi lẫn nhau; mỗi lần thăm hỏi đều có quà là sản phẩm nông nghiệp do gia đình làm ra hoặc lâm sản kiếm được trên rừng. Trước ngày cưới khoảng một tuần, nhà trai cho người mang lễ vật sang nhà gái và thông báo ngày giờ đến đón dâu như đã thống nhất. Nếu nhà trai ở gần

hay cùng bản với nhà gái, việc đi lại khá đơn giản. Trường hợp hai gia đình ở cách xa nhau thì nhà trai sẽ đi vào ngày hôm trước rồi nghỉ nhờ gia đình nào đó gần nhà gái để đến đúng giờ hẹn; nếu đến muộn nhà trai sẽ bị nhà gái phạt và bà con chê cười.

Ở lễ cưới lớn này, lễ vật phải có một con lợn 30kg trở lên, 20kg gạo, 10 kẹp cá, 10 chai rượu, 6 con gà, trâu, cau... Nhà trai phải mang đủ số lượng lễ vật, nếu thiếu thì phải bù bằng tiền mặt. Thành phần đoàn nhà trai đến nhà gái lần này đông nhất: trên dưới 20 người và cũng có đầy đủ, già, trẻ, gái, trai như lần cưới nhỏ.

Đoàn nhà trai sẽ không lên nhà gái cùng một lúc mà cử một nhóm nhỏ đi trước mang trâu cau đến thông báo trước với nhà gái. Theo tập quán, bên nhà gái cho một số phụ nữ đã được chọn ra đóng cổng lại và phủ lên đó tấm chăn thêu rất đẹp¹. Khi đoàn nhà trai đến, sẽ phải thực hiện nghi thức hát xin mở cổng.

Sau khi trao của hồi môn, chú rể thực hiện nghi thức chào họ hàng (*khroi lay*) bằng cách rót rượu mời các thành viên trong dòng họ nhà gái theo thứ bậc từ cao xuống thấp, với sự giới thiệu của ông cậu cô dâu. Mỗi người được chú rể mời rượu thường chúc phúc và trao cho đôi trẻ một món quà để thể hiện tình cảm anh em: người tặng áo, người tặng khăn hoặc tiền mặt. Tiền mừng này được gọi là *ngân chôm khroi*, có nghĩa là tiền

¹ Nhà của người Tày Mường thường được rào và che chắn khá cẩn thận bằng tre, nứa đan. Trụ cổng được dựng bằng hai cây tre cách nhau khoảng 2m, trên mỗi trụ cổng có các lỗ đục thủng để xuyên các thanh tre làm rào chắn lối đi. Để mở cổng, người ta đẩy các thanh tre ngang sang một bên. Khi đi làm nương hay ra khỏi nhà, để trâu bò không vào được vườn nhà, người ta lấp các thanh tre ngang vào đúng các lỗ ở hai bên trụ cổng.

mừng rẻ. Ngoài ra, theo tập quán, bố mẹ vợ sẽ mừng cho chàng rẻ một số tiền *ngân mon hua khroi*, gọi là tiền gói đầu rẻ. Người Tày Mường cho rằng, đôi vợ chồng trẻ vừa xây dựng gia đình; bởi vậy, cuộc sống sẽ gặp rất nhiều khó khăn về vật chất. Với khoản tiền mà bố mẹ vợ cho, đôi trẻ sẽ bớt được phần nào khó khăn. Toàn bộ số tiền họ hàng và bố mẹ vợ cho được chú rẻ đón nhận bằng việc ngả chiếc mũ đang đội trên đầu để đựng sau đó đưa gửi ông bà mối cất dùm.

Người Thái Trắng ở Mường Chà, Điện Biên cũng thực hiện tục ở rẻ trong một khoảng thời gian nhất định rồi mới được làm đám cưới chính thức. Khoảng Thị Quyên cho biết: “Hết thời gian chàng trai ở rẻ, nhà trai chủ động sang nhà gái xin tổ chức đón dâu về nhập ma nhà chồng gọi là *khẩu đấm pú gia*. Sau khi nhận được sự đồng ý của nhà gái, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt để tổ chức lễ đón dâu. Theo phong tục, bố mẹ vợ kỷ niệm cho con rẻ (*khá lu khroi*) một bộ quần áo đen chàm (*sở đăm*), hàm ý con rẻ đã làm tròn trách nhiệm đối với bố mẹ vợ” (Khoảng Thị Quyên, 2005, tr. 541).

1.5. Lễ đón dâu (tòn pợ)

Người Tày Mường có cách tính lịch riêng, được gọi là lịch *lai nham*. Khi gia đình có sự kiện đặc biệt người ta đều nhờ thầy cúng xem giờ tốt, ngày tốt để thực hiện công việc. Theo họ, giờ tốt để thực hiện nghi lễ đưa dâu rơi vào cung *xí xum*, có nghĩa là cung vui vẻ.

Giờ đưa dâu ở người Tày Mường thường diễn ra vào lúc 1 giờ sáng. Họ quan niệm rằng đây là giờ đầu tiên của một ngày, lúc đó chưa có người qua lại, ma xấu cũng chưa dậy, đón dâu về sẽ không gặp điều xấu.

Nếu không đón vào giờ tốt thì khi sinh thường gặp rủi ro, có khi chết cả mẹ lẫn con.

Trước giờ đưa dâu, ông mối thay mặt nhà trai cảm ơn gia đình và họ hàng bên thông gia đã nhiệt tình giúp đỡ cho đám cưới được thực hiện suôn sẻ; xin phép thông gia cho đón dâu về. Dứt lời, bà mối vào buồng dắt tay đưa cô dâu ra khỏi buồng. Khi bước đến cửa, người nhà cô dâu thực hiện động tác kéo tay cháu mình trở vào nhà, còn bà mối thì kéo ra. Động tác đó được lặp đi lặp lại ba lần thì người bên họ nhà gái buông tay, không níu kéo nữa để cô dâu ra về nhà chồng.

Đoàn đi đón dâu đều là những người có vợ/chồng và song toàn; ngoài ra, có thêm hai nam hai nữ chưa vợ/chồng và vẫn còn bố mẹ, đi cùng đoàn để giúp việc gánh quà cưới, chăn, gối, đệm và các đồ dùng của cô dâu mang theo. Phía nhà gái cũng cử một đoàn tiễn cô dâu về nhà chồng; số lượng người đi không hạn chế nhưng phải là số chẵn.

Đối với người Tày Mường, khi con gái về nhà chồng, bố mẹ không đưa tiễn, bởi họ quan niệm rằng như thế để tăng giá trị người con gái. Cô dâu về nhà chồng, cha mẹ không đưa sang nhà chồng bởi vậy nhà trai làm mâm cơm tạ lễ và biếu cho bên ngoại.

Trước đây, khi đón dâu, người Tày Mường thường mang theo chiêng; trên đường đi thỉnh thoảng tấu lên một tiếng, vừa để trình báo cho dân làng vừa báo hiệu cho nhà gái biết đoàn nhà trai sắp đến để tiếp đón. Ngoài ra, mỗi người đi theo đoàn đón dâu cầm theo một vài bó đuốc để soi đường.

Tại nhà trai, để chào đón đoàn nhà gái tiễn cô dâu về nhà chồng, nhà trai chuẩn bị một mâm rượu gọi là *lẩu thú moóc*, có nghĩa là rượu xua sương sớm. Theo giải thích của

người Tày Mường, đưa dâu vào lúc 1 giờ sáng nên hành trình khá vất vả và thường có sương nên mọi người uống chén rượu để làm ấm người, tránh được cảm lạnh.

Khi đám rước dâu về đến nhà trai, cô dâu và chú rể dừng lại trước cầu thang lên nhà làm lễ rửa chân nhập gia (*xuối tin*). Nhà trai đã để sẵn trước chân cầu thang một chậu nước trong đó có vài đồng tiền xu và một cái gáo. Chú rể bước chân phải lên còn cô dâu bước chân trái lên; tiếp đó, ông mối sẽ đọc bài cúng. Cúng xong, ông mối dùng gáo múc nước dội vào chân của đôi trẻ hai lần và cho phép đôi trẻ dắt nhau lên nhà, đi thẳng vào buồng cô dâu.

1.6. Lễ cưới bên nhà trai (*đoong tang báo*)

Ở người Tày Mường, đám cưới bên nhà trai được tổ chức lâu hơn phía nhà gái; khách mời thường là anh em họ hàng thân tộc, thông gia, người trong bản và bạn bè ở các bản khác cũng đến chúc phúc khi được báo tin. Đối với gia đình khá giả, lễ cưới được tổ chức ăn uống nhiều lần trong ngày và kéo dài vài ba ngày liền. Họ cho rằng có tổ chức như thế mới thật lòng với khách và như thế mới vui và hãnh diện với bà con.

Sau khi lên nhà, cô dâu chú rể và phù dâu, phù rể đều phải ngồi trong buồng cô dâu. Ở đây người ta đặt một vò rượu cần cắm hai ống hút, được kết lại với nhau bằng sợi dây gai, biểu hiện cho sự gắn bó của đôi trẻ. Bên cạnh là một cái mâm đựng hai đĩa mía có số miếng là chẵn, hai chén rượu, hai đùi gà và quả trứng bỏ làm đôi, tất cả đều là số chẵn để có đôi, có lứa.

Mọi người đến tham dự đám cưới đều phải giữ trật tự để ông mối đọc bài cúng lễ tơ hồng (*phục panh*) xe tơ, kết tóc trăm năm cho đôi trẻ. Cúng xong, ông mối cầm hai

miếng trứng gà luộc một miếng đưa cho chú rể và một miếng cho cô dâu. Việc này được thực hiện chéo tay, tức là tay trái đưa cho chú rể ngồi bên phải ông mối còn tay phải đưa cho cô dâu bên trái. Tay đưa trứng cho chú rể bao giờ cũng để trên tay kia.

Ngoài trứng, mía, còn có cả bánh gói bằng nếp giống như bánh chưng nhưng dài hơn và được buộc lạt thành bốn khúc. Cuối cùng là uống rượu. Ông mối cầm hai cần rượu vào vò và đổ vào hai sừng nước để cô dâu, chú rể mỗi người uống một sừng; cái cách mà ông mối đưa cần rượu cho đôi trẻ cũng như khi chia trứng. Toàn bộ đồ ăn trong mâm cúng lễ tơ hồng này do hai nam thanh, nữ tú được gia đình tuyển chọn trong đám thanh niên bản chuẩn bị từ mổ gà, đến đồ xôi, róc mía...

Sau khi ăn cơm xong, ông mối nói với đôi trẻ chỉ được đi lại trong nhà chứ chưa được bước xuống cầu thang. Sau đó, đôi trẻ mang 2 ngọn cây mía đã dùng cho mâm *tai hồng* đưa xuống trồng trong vườn nhà, rồi đưa mâm, bát ra sông rửa cùng với vò rượu cần. Theo quan niệm của đồng bào, cần chọn giờ hợp với tuổi của đôi trẻ để xuống cầu thang thì sẽ sinh được cả con trai lẫn con gái.

Sau khi đã thực hiện lễ tơ hồng, cô dâu sẽ phải búi tóc và đội khăn. Bà mối sẽ chải tóc và búi tóc ngược lên đỉnh đầu cho cô dâu, sau đó dùng kim trâm bằng bạc đâm xuyên qua để giữ tóc khỏi tuột; cuối cùng bà mối sẽ đội khăn cho cô dâu. Lễ búi tóc này cũng tương tự như lễ *tặng cầu* của người Thái Đen ở Tây Bắc. *Tặng cầu* là nghi thức bắt buộc với tất cả các cô dâu đã về nhà chồng; đó là dấu hiệu để phân biệt người phụ nữ đã có gia đình với các cô gái còn son.

Tặng cầu cho cô dâu xong, bà mối sẽ trải đôi chiếu mới lên giường cho đôi trẻ. Đôi chiếu được bà mối trải chiếc đầu tiên cho mặt trái lên trên rồi chiếc kia trải mặt phải lên trên như bình thường, sau đó lấy gối để lên đầu giường, hai cái hai bên. Bà mối Lương Thị Lai giải thích rằng chiếu cần phải úp mặt trái vào với nhau với ý nghĩa vợ chồng sẽ chung lưng, đầu cật để xây dựng gia đình ấm êm và hạnh phúc đến lúc khuất núi. Nghi thức trải chiếu vừa là tập quán vừa là việc thiện bởi vì theo quan niệm của đồng bào, bà mối mát tay trải chiếu đôi vợ chồng trẻ sẽ sớm có con và hạnh phúc, hơn nữa sẽ được hưởng lộc từ sự “*gieo mầm*” của bà mối. Bởi vậy, sau khi trải chiếu, bà mối sẽ được gia đình nhà trai cảm ơn và biếu ít tiền gọi là tiền lót ổ (*ngân pốt tì non*).

Tiếp đó, nhà trai chuẩn bị 4 mâm com cúng, gồm 1 mâm cúng ma nhà (*phi hươn*), 1 mâm cúng bên ngoại (*lung ta*), 1 mâm tạ ơn ông mối (*pan lam*) và 1 mâm tạ ơn nhà vợ, cùng với áo của cô dâu được đưa ra đặt ở gian thờ ma nhà. Đồ cúng lần này cũng giống như lần cúng được tổ chức bên nhà gái khi nhà trai đến đón dâu. Sau khi cúng xong, cô dâu sẽ ra quỳ lạy ma nhà chồng. Kể từ đây, cô đã là người nhà chồng.

Các lễ nghi kết thúc là lúc nhà trai mời họ hàng nhà gái vào mâm, uống rượu chung vui với họ hàng nhà trai. Theo tập quán, họ hàng nhà gái được ưu tiên ăn trước; nhà trai cử một số thành viên cao tuổi cùng ngồi vào mâm để tiếp rượu nhà gái. Ông bà mối chưa được ngồi ăn với họ hàng bên nhà gái mà phải chờ các công việc xong xuôi mới vào ăn sau.

Ăn cơm xong, ông bà mối dắt cô dâu ra gian ngoài thực hiện nghi thức *pơ lạy*, có

nghĩa là ra mắt cô dâu với bà con họ hàng nhà chồng. Cô dâu sẽ đi theo và nghe ông mối giới thiệu theo thứ bậc các thành viên trong dòng họ. Giới thiệu đến đâu, cô dâu phải rót rượu mời người đó uống. Uống xong, người đó sẽ chúc phúc cho đôi vợ chồng trẻ và mừng họ váy, áo hoặc bằng tiền mặt. Cứ như thế, cô dâu sẽ lần lượt rót rượu mời các thành viên trong họ nhà chồng, những người mà cô chưa có dịp quen biết và những người đó cùng với cô dâu về sau sẽ cùng nhau gánh vác công việc họ hàng gia tộc. Số tiền mọi người mừng cô dâu được gọi là *ngân chôm pơ*. Bố mẹ chồng cũng tặng con dâu một số tiền gọi là *ngân tòn pơ* để giúp đỡ và động viên các con lo làm ăn. Số tiền trên sẽ được tổng kết, công bố trước mọi thành viên và trao lại cho cô dâu làm vốn. Cô dâu đón nhận số tiền này bằng hành động nâng tà áo làm túi để đựng chứ không chìa tay ra lấy, rồi mang vào buồng cất.

Anh em họ hàng, bà con trong bản có mặt lúc này đều được gia chủ khoản đãi rượu cần. Lúc này mọi người uống rượu, *khấp* các làn điệu dân ca Thái, rồi cả *lăm* trong tiếng trống và tiếng chiêng vang vọng cả núi rừng. Tiệc rượu này là vui nhất vì mọi việc đã xong xuôi nên mọi người thoải mái uống rượu và nhảy múa; thường thì cuộc vui kéo dài đến tận đêm khuya mới dứt. Khi nhà gái ra về, gia đình thông gia không quên tạ ơn bố mẹ cô dâu một mâm com gọi là *pan khâu kháo pác*.

2. Các nghi lễ sau đám cưới

2.1. Lễ tạ ơn ông bà mối (*hừn hoi lam*)

Ba ngày sau đám cưới, đôi trẻ cùng bố mẹ chồng mang lễ sang cảm ơn ông bà mối đã vất vả, lo lắng mọi việc để cho đám cưới diễn ra suôn sẻ, họ hàng hai bên vui vẻ

và đôi trẻ hạnh phúc. Quà biếu tạ ơn ông mới đã được chuẩn bị từ trước khi tổ chức lễ cưới, gồm một đôi gối, hai cái đệm², ngoài ra còn có thịt lợn mỡ, hai chai rượu và hai con gà.

Chú rể xuống bếp làm thịt gà chuẩn bị mâm cúng ma nhà ông bà mới. Về phía ông bà mới cũng chuẩn bị vài mâm cơm để báo cho anh em trong họ biết và chứng kiến việc từ giờ phút này ông bà mới là bố mẹ thứ hai của đôi trẻ. Sau đó, ông mới làm lễ bốc vái để cho đôi trẻ khỏe mạnh. Ông bà mới còn tặng cho hai vợ chồng quần, áo và váy hoặc một ít tiền gọi là quà cho con. Hàng năm, cứ đến dịp lễ tết, đôi trẻ phải chuẩn bị một mâm cơm đưa sang cúng ma nhà bố mẹ mới; lễ này diễn ra khoảng 5 năm đầu sau đó thì thôi. Khi đưa con đầu tiên của đôi trẻ chào đời, bố mẹ mới thường mang một con gà và một bộ quần áo cho cháu bé. Trong suốt cuộc đời đứa bé, khi có sự kiện quan trọng (ví dụ, cháu xây dựng gia đình) nhất thiết phải mời bố mẹ mới, nếu không thì sẽ bị bà con sẽ chê cười vì tội bất hiếu.

2.2. Lễ lại mặt (*âu lực pay dam đoong*)

Trước đây, sau đám cưới, vợ chồng trẻ lần lượt đi cảm ơn những người đã giúp đỡ cho đám cưới của họ. Việc đầu tiên là đến cảm ơn ông bà mới, người cực kỳ quan trọng

không chỉ trong ngày cưới mà cả cuộc sống về sau của họ. Tiếp đó là về thăm bố mẹ cô dâu mà người dân hay gọi là lễ lại mặt (*âu lực pay dam đoong*). Đây là nghi lễ không chỉ thể hiện lòng hiếu thảo, tôn kính cha mẹ của đôi trẻ mà còn là dịp để thông gia hai bên gặp gỡ, thắt chặt mối quan hệ giữa hai gia đình *lung ta* và *nhính xao*. Khi về nhà lại mặt, đôi trẻ phải mang theo hai con gà để làm lễ cúng báo cho tổ tiên bên nhà gái biết mọi việc đã xong xuôi, xin ông bà tổ tiên phù hộ cho con cháu mạnh khỏe. Sau lễ lại mặt (*âu lực pay dam đoong*), đôi vợ chồng trẻ đi thăm và cảm ơn gia đình anh em họ hàng nhà chồng. Đối với ông trưởng họ và ông cậu, đôi vợ chồng trẻ biếu một đôi gối tỏ lòng biết ơn về những việc họ đã lo cho đám cưới.

Vào ngày mùng 1 Tết Nguyên Đán đầu tiên kể từ lúc cưới, con rể phải chuẩn bị lễ vật khá lớn đến chúc tết và cảm ơn bố mẹ vợ. Lễ vật đó bắt buộc phải có một con lợn khoảng 30kg, ngoài ra có cá, rượu, trà cau... Những năm sau đó, dịp lễ tết không nhất thiết phải biếu lợn nữa mà chỉ cần chuẩn bị mâm cơm biếu ông bà ngoại.

3. Nhận xét

Đám cưới của người Tày Mường cũng giống như các tộc người khác là ngày vui, ngày đánh dấu mốc lớn trong chu kỳ đời người. Niềm vui đó không chỉ của đôi vợ chồng trẻ mà rộng hơn là niềm vui của cả gia đình, dòng họ và cả cộng đồng.

Các nghi lễ trong cưới xin chứa đựng nhiều giá trị về mặt xã hội. Đây là dịp để các thành viên trong cộng đồng thắt chặt hơn mối quan hệ họ hàng, láng giềng. Điều đó được thể hiện ở tập quán tương trợ giúp đỡ lẫn nhau không chỉ về mặt vật chất mà còn

² Ở người Tày Mường trước đây, con gái bắt đầu học dệt vải từ khi lên sáu. Hàng ngày các bé làm quen công việc bằng cách giúp mẹ kéo bông, xe sợi rồi dần dần được mẹ, chị hay bà dạy cho cách dệt và thêu. Đến năm 12 tuổi, các cháu đã dệt thành thạo. Kể từ đó, các thiếu nữ vừa dệt vải đáp ứng nhu cầu mặc của cả gia đình vừa dệt để chuẩn bị làm chăn, gối, đệm làm của hồi môn khi về nhà chồng. Nay nghề dệt ở đây tuy chưa mất hẳn nhưng các cô gái không dệt nữa, mà thay vào đó họ đi làm dành dụm tiền để chuẩn bị của hồi môn tặng nhà chồng khi làm đám cưới.

có những lời động viên thăm hỏi, chúc mừng, khích lệ về mặt tinh thần.

Tập quán cưới xin của người Tày Mường thể hiện một số yếu tố đặc trưng của bản sắc văn hóa tộc người như quan niệm của đồng bào về hôn nhân, các nghi thức và nghi lễ trong tiến trình hôn nhân.

Trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, cưới xin của người Tày Mường, đã có nhiều biến đổi, chịu ảnh hưởng và tiếp thu các yếu tố văn hóa mới, biểu hiện rõ nét qua: các quan niệm về hôn nhân, tục ở rể, tiền thách cưới *cá hua*, hay các quan niệm về kết hôn, ly hôn, chữa hoang... Điều đó cho thấy đã có nhiều thay đổi trong hôn nhân của người Tày Mường. Tuy nhiên, những phong tục tốt đẹp trong đám cưới của người Tày Mường vẫn được duy trì và phát huy các giá trị của chúng trong lòng cộng đồng người Tày Mường.

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (1996), “Hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Thái ở miền núi Nghệ An”, *Tạp chí Văn hoá dân gian*, Số 2.
2. Phan Hữu Dật (1997), “Quy tắc cư trú trong hôn nhân”, *Tạp chí dân tộc học*, Số 1, tr. 3-12.
3. Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Lương Thị Giang (1999), *Nét đẹp trong đám cưới của người Thái huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Khóa luận tốt nghiệp, Hà Nội.
5. Phạm Quang Hoan và Nguyễn Ngọc Thanh (1992), “Gia đình và hôn nhân”, trong: *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
6. Phạm Quang Hoan (1993), “Vài suy nghĩ về hôn nhân và gia đình của các dân tộc ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2.
7. Vũ Đình Lợi (1996), *Gia đình và hôn nhân truyền thống của các dân tộc Malayô-Pôlynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Lương Quốc Phòng (2001), *Hôn nhân của người Thái ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (Truyền thống và biến đổi)*, Luận Văn.
9. Khoàng Thị Quyên (2005), “Tục lệ cưới xin xưa và nay của người Thái Trắng ở bản Phiêng Ban, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên”, *Kỷ yếu hội nghị thông báo Dân tộc học*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Ngô Đức Thịnh - Chăm Trọng (2003), *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
12. Đào Tố Uyên - Lương Hoài Thanh (2007), “Tục ở rể của người Thái Đen tỉnh Sơn La (trước Cách Mạng Tháng Tám 1945)”, *Kỷ yếu hội nghị thông báo Dân tộc học*, Viện Dân tộc học.